

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH-MÔI TRƯỜNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ
CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

MÃ NGÀNH: 7720301

Nghệ An, 05/2021

MỤC LỤC

1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	2
1.1. Mục đích khảo sát	2
1.2. Phương pháp khảo sát	2
1.3. Nội dung khảo sát	2
1.3.1. Mục tiêu chương trình đào tạo	2
1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	3
1.4. Đối tượng khảo sát.....	10
1.5. Các cấp độ đánh giá.....	10
2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	11
2.1. Thông tin về đối tượng được khảo sát.....	11
2.1.1. Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát.....	11
2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát	12
2.2. Phân tích kết quả khảo sát	12
2.2.1. Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo	13
2.2.1.1. Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo	13
2.2.1.2. Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo	14
2.2.2. Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo	14
2.2.2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết.....	14
1.1.1.1. Đánh giá về mức độ nên đạt được	16
1.1.1.2. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức	17
1.1.1.3. Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo.....	18
1.1.2. Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo.....	18
1.1.2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết	18
1.1.2.2. Đánh giá về mức độ nên đạt được	19
1.1.2.3. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng.....	20
1.1.2.4. Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo.....	22
1.1.3. Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra ...	22
1.1.3.1. Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học.....	22
1.1.3.2. Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học	23
1.1.4. Mức độ có thể tham gia của nhóm đối tượng ... vào quá trình đào tạo	24
1.1.4.1. Mức độ tham gia của nhóm đối tượng ... vào quá trình đào tạo	24
1.1.4.2. Ý kiến góp ý khác về mức độ tham gia của nhóm đối tượng ... vào quá trình đào tạo ..	25
2 KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT.....	25
PHỤ LỤC	26

1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA**1.1. Mục đích khảo sát**

Khảo sát nhằm đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên sau khi tốt nghiệp các ngành đào tạo thông qua Mục tiêu, Chuẩn đầu ra; góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội.

1.2. Phương pháp khảo sát

- Khảo sát trực tuyến thông qua website tại địa chỉ:

<http://khaosat.vinhuni.edu.vn/khaosat/?n=7720301>

- Khảo sát trực tiếp thông qua Hội nghị tham vấn các bên liên quan.

1.3. Nội dung khảo sát

- *Mục tiêu chương trình đào tạo*

T T	Nội dung
1	Mục tiêu chung
	Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng đào tạo Cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về khoa học xã hội, khoa học sức khỏe và điều dưỡng; kỹ năng và thái độ cần thiết để hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; chuẩn bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2	Mục tiêu cụ thể
	<p>- PO1: Sinh viên theo học ngành điều dưỡng sau khi ra trường phải có những kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành; nắm được các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân; có kiến thức về duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.</p> <p>- PO2: Đào tạo người điều dưỡng viên có kỹ năng cá nhân tốt, thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp như sử dụng thuốc an toàn, phù hợp; thực hiện tốt các y lệnh của thầy thuốc, chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng một cách tốt nhất; tham gia vào công tác quản lý ngành; có kỹ năng giao tiếp và giao tiếp bằng ngoại ngữ, quản lý và làm việc nhóm tốt để làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hoá, đa quốc gia.</p> <p>- PO3: Đào tạo Điều dưỡng viên có thái độ trung thực, khách quan, tôn trọng người bệnh và cộng đồng; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và pháp luật</p>

T T	Nội dung
	<p>nhà nước trong thực hành điều dưỡng; không ngừng học hỏi, có ý thức phát triển nghề nghiệp.</p> <p>- PO4: Đào tạo người điều dưỡng có khả năng tự học và cập nhật các kiến thức, công nghệ mới; có tư duy sáng tạo và đổi mới; xây dựng cho người điều dưỡng có phong cách làm việc chuyên nghiệp, chủ động, đóng vai trò lãnh đạo, có khả năng thuyết phục mọi người để cùng giải quyết các vấn đề chung của hệ thống y tế nhằm bảo vệ, nâng cao, tối ưu về sức khỏe cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.</p>

1.3.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
	PO1. Áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	
POL1.1.	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.	2.5
1.1.1.	<i>Vận dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong bối cảnh bệnh viện và xã hội	2.5
1.1.2.	<i>Áp dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội trong các hoạt động nghề nghiệp điều dưỡng	2.5
1.2.	<i>Áp dụng kiến sinh học và khoa học tự nhiên để lập luận phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Điều dưỡng</i>	3.0
1.2.1.	<i>Sử dụng</i> kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực Điều dưỡng	3.0
1.2.2.	<i>Vận dụng</i> kiến thức khoa học tự nhiên trong lĩnh vực Điều dưỡng	3.0
1.3.	<i>Áp dụng kiến thức ngành vào việc chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội</i>	3.5
1.3.1.	<i>Áp dụng</i> kiến thức điều dưỡng cơ sở vào việc xây dựng và thực hành các quy trình điều dưỡng chăm sóc bệnh nhân	3.5
1.3.2.	<i>Vận dụng</i> kiến thức, kỹ năng thực hành điều dưỡng vào chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội	3.5
1.3.3.	<i>Vận dụng</i> kiến thức, kỹ năng thực hành điều dưỡng trong thiết kế, xây dựng và phát triển các kỹ thuật thực hành điều dưỡng	3.5
	PO2. Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp	
2.1.	<i>Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.</i>	3.0
2.1.1.	<i>Xác định</i> nhu cầu về sức khỏe và tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.	3.0

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
2.1.2.	<i>Giải thích</i> tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng	3.0
2.2.	<i>Ra quyết định</i> chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.	4.0
2.2.1	Thu thập thông tin và phân tích các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề về sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	4.0
2.2.2.	<i>Ra các quyết định</i> về chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng an toàn và hiệu quả.	4.0
2.2.3.	<i>Thực hiện</i> các can thiệp điều dưỡng để hỗ trợ cá nhân, gia đình và cộng đồng đáp ứng với các vấn đề về sức khỏe/bệnh tật phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh, gia đình người bệnh.	4.0
2.2.4.	Theo dõi sự tiến triển của các can thiệp điều dưỡng đã thực hiện.	4.0
2.3.	<i>Xác định ưu tiên</i> chăm sóc dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình, cộng đồng và xã hội.	4.0
2.3.1.	<i>Phân tích và xác định</i> được những nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	4.0
2.3.2.	<i>Thực hiện các can thiệp</i> chăm sóc đáp ứng nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	4.0
2.4.	<i>Sử dụng quy trình</i> điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng.	4.0
2.4.1.	Thực hiện nhận định người bệnh toàn diện và có hệ thống.	4.0
2.4.2.	Tập hợp và ghi đầy đủ thông tin thích hợp vào hồ sơ điều dưỡng.	3.0
2.4.3.	Phân tích và diễn giải các thông tin về người bệnh một cách chính xác	4.0
2.4.4.	Lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên nhận định người bệnh và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh.	4.0
2.4.5.	Giải thích các can thiệp điều dưỡng cho người bệnh, gia đình người bệnh và thực hiện các can thiệp theo kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho người bệnh.	3.0
2.4.6.	Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp.	4.0
2.4.7.	Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.	4.0
2.4.8.	Thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ người bệnh xuất viện.	4.0
2.4.9.	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cách phòng bệnh cho người bệnh	3.0

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
2.5.	<i>Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh.</i>	4.0
2.5.1.	Thực hiện các biện pháp an toàn trong chăm sóc cho người bệnh.	4.0
2.5.2.	Tạo môi trường chăm sóc thoải mái trong khi chăm sóc cho người bệnh.	4.0
2.5.3.	Bảo đảm sự kín đáo trong khi chăm sóc cho người bệnh	4.0
2.6.	<i>Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình.</i>	4.0
2.6.1.	Tuân thủ các bước của quy trình điều dưỡng trong phạm vi chuyên môn.	4.0
2.6.2.	Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng.	4.0
2.6.3.	Tuân thủ các quy định về vô khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn	4.0
2.7.	<i>Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả.</i>	4.0
2.7.1.	Khai thác tiền sử dị ứng thuốc của người bệnh.	4.0
2.7.2.	Tuân thủ quy tắc khi dùng thuốc.	4.0
2.7.3.	Hướng dẫn người bệnh dùng thuốc đúng và an toàn.	4.0
2.7.4.	Phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc và báo cáo kịp thời cho bác sĩ và điều dưỡng phụ trách.	4.0
2.7.5.	Nhận biết sự tương tác giữa thuốc với thuốc và thuốc với thức ăn.	4.0
2.7.6.	Đánh giá hiệu quả của việc dùng thuốc.	4.0
2.7.7.	Ghi chép và công khai việc sử dụng thuốc cho người bệnh.	4.0
2.8.	<i>Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu</i>	4.0
2.8.1	Bàn giao tình trạng của người bệnh với nhóm chăm sóc kế tiếp một cách cụ thể, đầy đủ và chính xác	4.0
2.8.2.	Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp để đảm bảo chăm sóc liên tục cho người bệnh.	4.0
2.8.3.	Thiết lập các biện pháp để thực hiện chăm sóc liên tục cho người bệnh	4.0
2.9.	<i>Ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định</i>	4.0
2.9.1.	Phát hiện sớm những thay đổi đột ngột về tình trạng sức khỏe người bệnh.	4.0
2.9.2.	Ra quyết định xử trí sơ cứu, cấp cứu kịp thời và phù hợp.	4.0
2.9.3.	Phối hợp hiệu quả với các thành viên nhóm chăm sóc trong sơ cứu, cấp cứu.	4.0
2.9.4.	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh	4.0
2.10.	<i>Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe hiệu quả và phù hợp</i>	4.0
2.10.1.	Xác định những thông tin cần cung cấp cho người bệnh và gia đình.	4.0
2.10.2.	Chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung	4.0

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
	cấp những thông tin “xấu”.	
2.11.	<i>Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng</i>	4.0
2.11.1.	Thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu hiểu biết của cá nhân, gia đình, và cộng đồng về hướng dẫn, giáo dục sức khỏe.	4.0
2.11.2.	Xác định nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	4.0
2.11.3.	Xây dựng kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	4.0
2.11.4.	Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng.	4.0
2.11.5.	Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả.	4.0
2.11.6.	Đánh giá kết quả giáo dục sức khỏe và điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu và kết quả mong chờ.	4.0
2.12.	<i>Hợp tác với các thành viên nhóm chăm sóc</i>	3.5
2.12.1.	Duy trì tốt mối quan hệ với các thành viên trong nhóm, coi người bệnh như một cộng sự trong nhóm chăm sóc.	3.5
2.12.2.	Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc.	3.5
2.12.3.	Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao.	3.5
2.12.4.	Tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp.	3.5
2.12.5.	Chia sẻ thông tin một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	3.5
2.12.6.	Thực hiện vai trò đại diện hoặc biện hộ cho người bệnh để bảo đảm các quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.	3.5
2.13	<i>Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định</i>	3.5
2.13.1	Thực hiện các quy chế quản lý, lưu giữ hồ sơ bệnh án theo quy định luật pháp và của Bộ Y tế.	3.5
2.13.3	Bảo mật thông tin trong hồ sơ bệnh án và Phiếu chăm sóc của người bệnh.	3.5
2.13.3	Ghi chép hồ sơ điều dưỡng bảo đảm tính khách quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời.	3.5
2.13.4	Sử dụng các dữ liệu thu thập được về tình trạng sức khỏe người bệnh làm cơ sở để xây dựng chính sách và tạo thuận lợi cho việc chăm sóc người bệnh.	3.5
2.14	<i>Quản lý công tác chăm sóc người bệnh</i>	3.0
2.14.1	Quản lý công việc, thời gian của cá nhân hiệu quả và khoa học.	3.0
2.14.2	Xác định các công việc hoặc nhiệm vụ cần hoàn thành theo thứ tự ưu tiên.	3.0
2.14.3	Tổ chức, điều phối, phân công và ủy quyền nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chăm sóc một cách khoa học, hợp lý và	3.0

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
	hiệu quả.	
2.14.4	Thể hiện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa quản lý và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh.	3.0
2.14.5	Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc người bệnh cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn	3.0
2.15	<i>Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả</i>	3.0
2.15.1	Thiết lập các cơ chế quản lý, phát huy tối đa chức năng hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị.	3.0
2.15.2	Lập và thực hiện kế hoạch bảo trì phương tiện, trang thiết bị do mình phụ trách.	3.0
2.15.3	Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.	3.0
2.16	<i>Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả</i>	3.0
2.16.1	Nhận biết được hiệu quả kinh tế khi sử dụng các nguồn lực sẵn có tại nơi làm việc để sử dụng thích hợp, hiệu quả.	3.0
2.16.2	Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng các nguồn lực trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi phân công hiệu quả.	3.0
2.17	<i>Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả</i>	3.5
2.17.1	Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động.	3.5
2.17.2	Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.	3.5
2.17.3	Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc (tiếng ồn, không khí, nguồn nước...).	3.5
2.17.4	Tuân thủ quy định về quản lý, xử lý chất thải.	3.5
2.17.5	Tuân thủ các bước về an toàn phòng cháy chữa cháy, động đất hoặc các trường hợp khẩn cấp khác.	3.5
2.17.6	Thể hiện sự hiểu biết về những khía cạnh có liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và luật pháp về an toàn lao động	3.5
2.18	<i>Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc</i>	4.0
2.18.1	Nhận thức được sự cần thiết về các hoạt động bảo đảm chất lượng, cải tiến chất lượng thông qua sự nghiên cứu, phản hồi và đánh giá thực hành thường xuyên.	4.0
2.18.2	Phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh	4.0
2.18.3	Nhận phản hồi từ người bệnh, gia đình và các đối tượng liên quan để cải tiến chất lượng các hoạt động chăm sóc.	4.0
2.18.4	Áp dụng các phương pháp cải tiến chất lượng phù hợp.	4.0
2.18.5	Tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng tại cơ sở.	4.0

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
2.18.6	Chia sẻ các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	4.0
2.18.7	Bình phiếu chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính.	4.0
2.18.8	Đưa ra những đề xuất phù hợp về các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa bệnh.	4.0
2.18.9	Sử dụng bằng chứng áp dụng vào thực hành chăm sóc để tăng cường sự an toàn trong chăm sóc người bệnh.	4.0
2.19	<i>Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng</i>	4.0
2.19.1	Xác định và lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết và khả thi.	4.0
2.19.2	Áp dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành nghiên cứu những vấn đề đã lựa chọn.	4.0
2.19.3	Sử dụng phương pháp thống kê thích hợp để phân tích và diễn giải dữ liệu thu thập được.	4.0
2.19.4	Đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu.	4.0
2.19.5	Trình bày, chia sẻ kết quả nghiên cứu với đồng nghiệp, người bệnh và những người có liên quan.	4.0
2.19.6	Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng. Sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.	4.0
2.20	<i>Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp</i>	3.5
2.20.1	Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	3.5
2.20.2	Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.	3.5
2.20.3	Tham gia vào các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp.	3.5
2.20.4	Quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng, thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực.	3.5
2.20.5	Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi.	3.5
2.20.6	Thực hiện chăm sóc theo các tiêu chuẩn thực hành điều dưỡng	3.5
2.20.7	Đóng góp vào việc đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.	3.5
2.20.8	Đóng góp vào việc nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong ngành y tế và trong xã hội.	3.5

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
PO3. Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp		
3.1.	<i>Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực Điều dưỡng</i>	3.5
3.1.1.	<i>Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo và hiệu quả</i>	3.5
3.1.2.	<i>Tham gia tích cực hoạt động nhóm</i>	3.5
3.1.3.	<i>Có khả năng phát triển nhóm</i>	3.5
3.2.	<i>Thể hiện giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp Điều dưỡng</i>	3.5
3.2.1.	<i>Xây dựng niềm tin đối với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.</i>	3.5
3.2.2.	<i>Thực hiện thành thạo các kỹ năng giao tiếp với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.</i>	3.5
3.2.3	<i>Lắng nghe và đáp ứng thích hợp những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và người nhà người bệnh</i>	3.5
3.2.4	<i>Áp dụng thành thạo công tác truyền thông và hỗ trợ giao tiếp với người bệnh, người nhà và cộng đồng.</i>	3.5
3.2.5	<i>Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh.</i>	3.5
3.2.6	<i>Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh.</i>	3.5
3.2.7	<i>Giao tiếp hiệu quả với các cá nhân, gia đình, cộng đồng có các trở ngại về giao tiếp do bệnh tật, do những khó khăn về tâm lý.</i>	3.5
3.2.8	<i>Thể hiện lời nói, cử chỉ động viên, khuyến khích người bệnh an tâm điều trị.</i>	3.5
3.2.9	<i>Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và nhóm người</i>	3.5
3.2.10	<i>Trình bày và thuyết trình vấn đề thuyết phục</i>	3.5
3.2.11	<i>Áp dụng thành thạo giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện</i>	3.5
3.2.12	<i>Thể hiện thuần thục kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành Điều dưỡng</i>	3.5
PO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình thực hành điều dưỡng đáp ứng yêu cầu của bệnh viện và xã hội		
4.1.	<i>Xác định và phân tích nhu cầu của người bệnh để lựa chọn, tích hợp và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	4.0
4.1.1.	<i>Xác định mục tiêu, yêu cầu, nguyên lý và kiến trúc của các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	4.0
4.1.2.	<i>Mô hình hóa các quy trình chăm sóc điều dưỡng để đảm bảo các mục tiêu</i>	4.0
4.1.3.	<i>Lập kế hoạch tích hợp, phát triển và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	4.0
4.2.	<i>Thiết kế, triển khai và đánh giá các quy trình thực hành điều</i>	4.0

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu CTĐT	TĐNL
	<i>đường để đáp ứng các yêu cầu của người bệnh trong bối cảnh bệnh viện và xã hội</i>	
4.2.1.	Hiểu biết bối cảnh, chiến lược và mục tiêu của bệnh viện và xã hội	4.0
4.2.2.	Thiết kế các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng	4.0
4.2.3.	Triển khai các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng	4.0
4.2.4.	Đánh giá các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng	4.0
4.2.5.	Nghiên cứu phát triển các giải pháp mới trong thực hành tốt quy trình điều dưỡng	4.0
4.3	<i>Vận hành được các hệ thống quản lý sức khỏe người bệnh</i>	4.0
4.3.1	Quản lý việc ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định	4.0
4.3.2	Quản lý công tác chăm sóc người bệnh	4.0
4.3.3	Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả	4.0
4.3.4	Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả	4.0
4.3.5	Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả	4.0
4.3.6	Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc	4.0
4.3.7	Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp	4.0
4.3.8	Hiểu biết về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường:	4.0
4.3.9	Khởi nghiệp.	4.0

1.4. Đối tượng khảo sát

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát dự kiến và đã thực hiện như sau:

TT	Đối tượng khảo sát	Yêu cầu	Đã khảo sát
1.1	Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	20	18
1.2	Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động	5	2
1.3	Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật	5	0
1.4	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	10	9
1.5	Cựu sinh viên	5	1
1.6	Sinh viên	155	139
1.7	Tổng	200	169

1.5. Các cấp độ đánh giá

Mức độ đồng ý ①: Rất không đồng ý; ②: Không đồng ý; ③: Không có ý kiến; ④: Đồng ý; ⑤: Rất đồng ý.	Mức độ cần thiết ① Không cần thiết ② Ít cần thiết ③ Không biết ④ Cần thiết ⑤ Rất cần thiết	Mức độ nên đạt được về kiến thức (a) Hiểu (b) Áp dụng (c) Phân tích (d) Đánh giá (e) Sáng tạo	Mức độ nên đạt được về kỹ năng (a) Có thể tham gia, đóng góp (b) Có thể hiểu, giải thích (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
--	---	---	--

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Thông tin về đối tượng được khảo sát

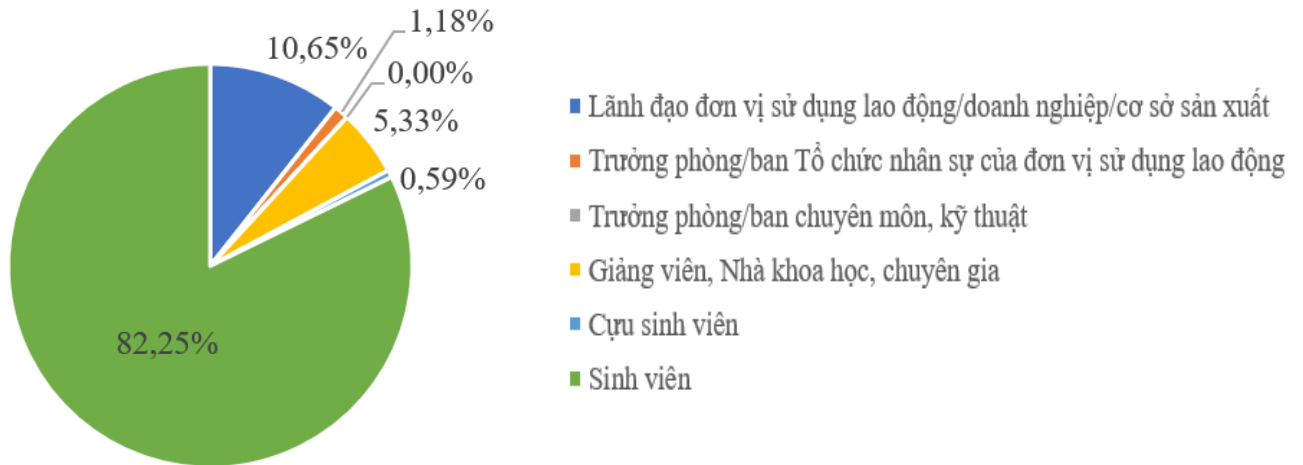
▪ Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Kết quả khảo sát đã được thực hiện trên 167 đối tượng, đạt 83,50% so với yêu cầu (khảo sát trên 200 đối tượng), được thể hiện trong bảng 1 và hình 1.

Số liệu cho thấy có 10,65 % Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tham gia trả lời khảo sát, 1,18% là Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động và Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia là 5,33%; cựu sinh viên 0,59%. Trong khi đó, có đến 82,25% đối tượng là sinh viên, đang theo học ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Vinh, các khóa 59, 60 và 61.

Bảng 1. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng khảo sát

TT	Đối tượng khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.1	Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở sản xuất	18	10,65
1.2	Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động	2	1,18
1.3	Trưởng phòng/ban chuyên môn, kỹ thuật	0	0,00
1.4	Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	9	5,33
1.5	Cựu sinh viên	1	0,59
1.6	Sinh viên	139	82,25
1.7	Tổng	169	100%



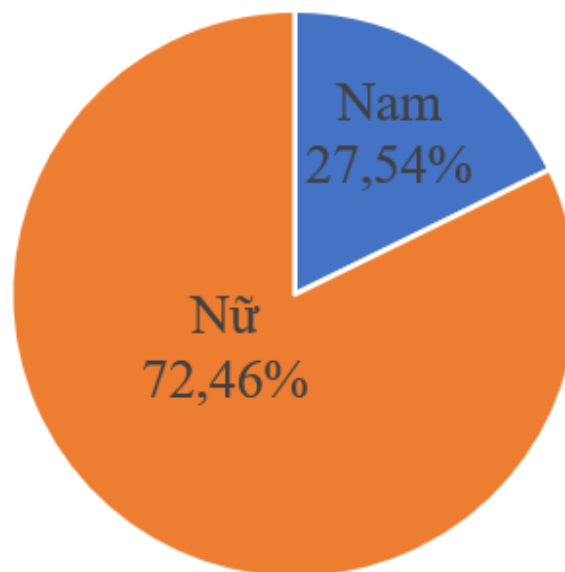
Hình 1. Biểu đồ phân bố vị trí công tác của đối tượng khảo sát

2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát

Kết quả khảo sát trên 167 đối tượng, trong đó Nữ có 121 người (chiếm 72,46%) và 46 người là Nam (chiếm 27,54%), kết quả thể hiện trong bảng 2 và hình 2.

Bảng 2. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	30	17,75
Nữ	139	82,25
Tổng	167	100%



Hình 2. Biểu đồ phân bố giới tính của đối tượng khảo sát

2.2. Phân tích kết quả khảo sát

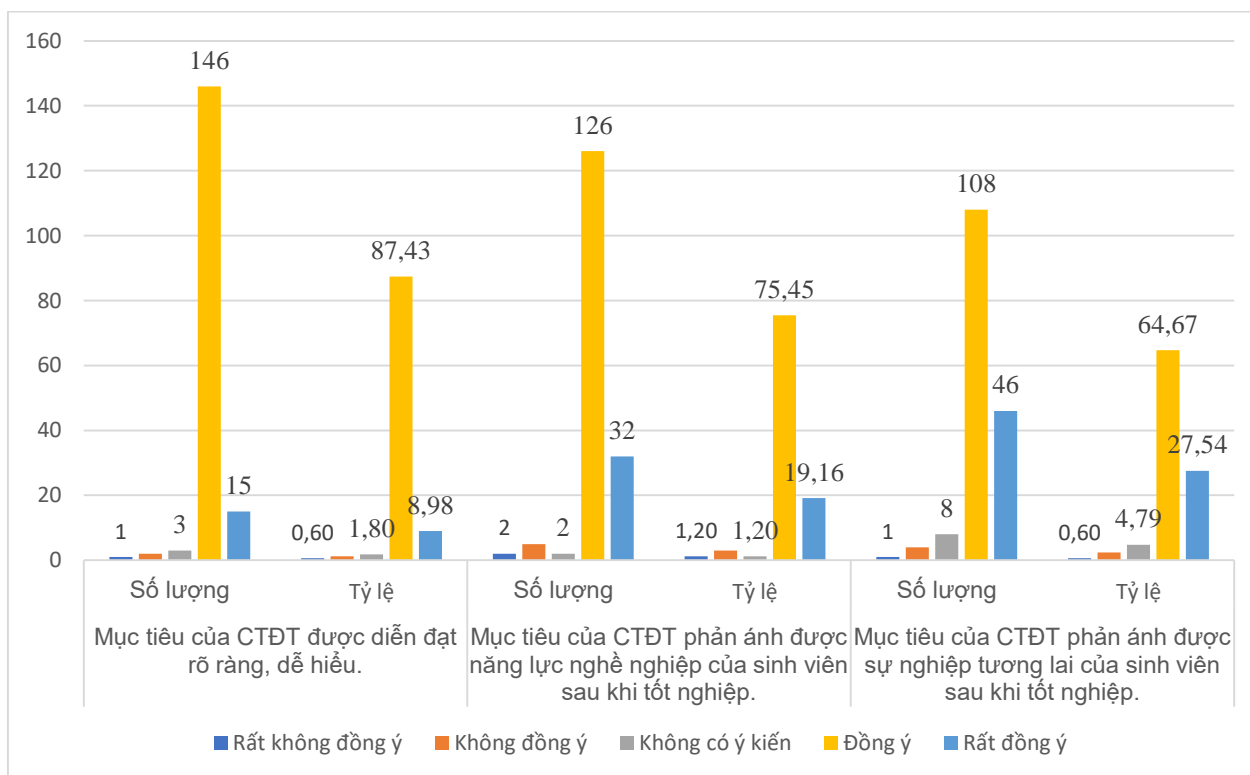
1.1.1 Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo

2.2.1.1. Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

Kết quả đánh giá về mục tiêu chung của chương trình đào tạo được thể hiện qua bảng 3 và hình 3.

Bảng 3. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

Ý kiến	Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Rất không đồng ý	1	0,60	2	1,20	1	0,60
Không đồng ý	2	1,20	5	2,99	4	2,40
Không có ý kiến	3	1,80	2	1,20	8	4,79
Đồng ý	146	87,43	126	75,45	108	64,67
Rất đồng ý	15	8,98	32	19,16	46	27,54
Tổng	167	100%	167	100%	167	100%



Hình 3. Biểu đồ đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

Nhân xét:

Kết quả cho thấy, đa số các ý kiến đều đồng ý với các mục tiêu chung của CTĐT ngành Điều dưỡng với hơn 90% người trả lời ở mức đồng ý trở lên.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu” có 8,98% người rất đồng ý; 87,43% người đồng ý, còn lại là không có ý kiến và có 0,60% người rất không đồng ý.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp” có 19,16% người rất đồng ý; 75,45% người đồng ý, 1,2% người không có ý kiến; 2,99% người không đồng ý và có 1,20% người rất không đồng ý.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp” có 27,54% người rất đồng ý; 64,67% người đồng ý, 4,79% người không có ý kiến; 2,40% người không đồng ý và có 0,60% người rất không đồng ý.

2.2.1.2. Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo

Trong câu hỏi “Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô, mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những nội dung nào?. Một số ý kiến đã được dẫn ra, bao gồm:

- Thêm các chuẩn kỹ năng nghề nghiệp;
- Rút gọn các mục tiêu nhưng vẫn đủ tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng.
- Thêm các mục tiêu về kỹ năng mềm: giao tiếp, ngoại ngữ.

Nhận xét:

Một số người khi được hỏi để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm các kỹ năng nghề nghiệp riêng của ngành Điều dưỡng. Đồng thời, các mục tiêu cần rút ngắn lại, súc tích hơn, nhưng diễn đạt đầy đủ các tiêu chuẩn, kỹ năng, năng lực cần đạt của 1 điều dưỡng viên khi tốt nghiệp.

2.2.2. Đánh giá chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo

2.2.2.1. Đánh giá về mức độ cần thiết

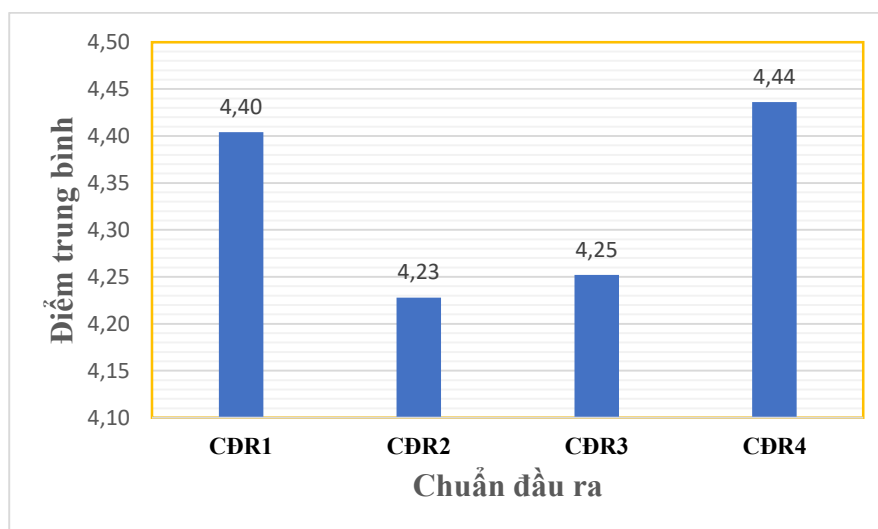
Số liệu về đánh giá về mức độ cần thiết của chuẩn đầu ra về kiến thức của CTĐT được thể hiện trong bảng 4 và hình 4.

Bảng 4. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

Đối tượng khảo sát	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất	3,50	3,63	3,86	4,20
Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động	4,38	3,90	4,06	4,73
Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ	4,71	4,81	4,23	4,68

Đối tượng khảo sát	CDR 1	CDR 2	CDR 3	CDR 4
thuật				
Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	4,80	4,30	4,40	4,24
Sinh viên	4,63	4,50	4,71	4,33
Trung bình	4,40	4,23	4,25	4,44

Ghi chú: CDR 1: Áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; CDR 2: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; CDR 3: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; CDR 4: Năng lực thực hành nghề nghiệp.



Hình 4. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

Nhận xét:

Kết quả cho thấy, các chuẩn đầu ra đều được đánh giá ở mức độ Cần thiết trở lên, với điểm trung bình lớn hơn 4,0 điểm. Cụ thể, CDR 4 về năng lực thực hành nghề nghiệp được đánh giá cao nhất với điểm trung bình 4,44 điểm. Chuẩn đầu ra này cho biết sinh viên có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình thực hành điều dưỡng đáp ứng yêu cầu của bệnh viện và xã hội. Khi ra trường, một điều dưỡng viên phải chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định và can thiệp chăm sóc; tuân thủ Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng; và báo cáo các hành vi vi phạm với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với báo cáo đó. Trong khi đó, CDR 1 áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng được đánh giá cao thứ 2 với 4,40 điểm. Đây là chuẩn đầu ra cơ bản, sinh viên phải đáp ứng được khi ra trường. Khi trở thành điều dưỡng viên, phải áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội. Đồng thời, áp dụng kiến sinh học và khoa học tự nhiên để lập luận phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Điều dưỡng.

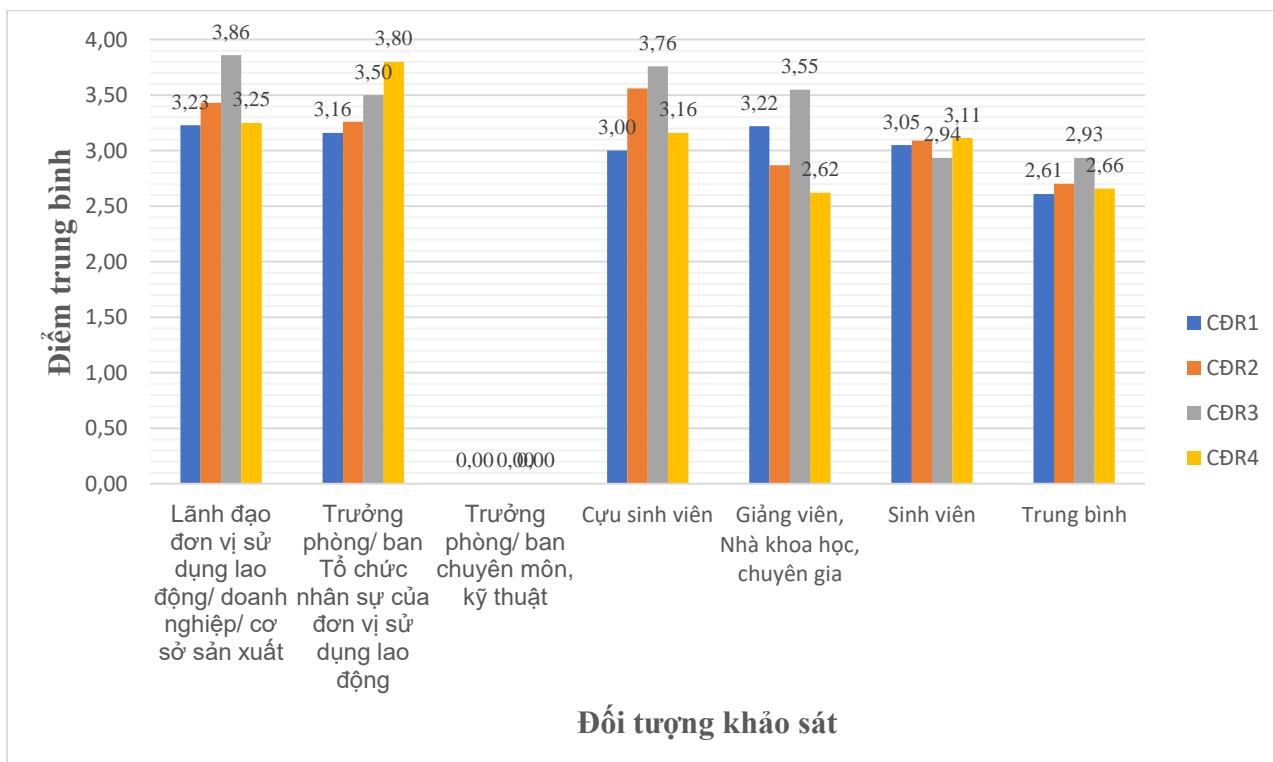
2.2.2.2. Đánh giá về mức độ nên đạt được

Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5) của CTĐT được thể hiện trong bảng 5 và hình 5.

Bảng 5. Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

Đối tượng khảo sát	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	Trung bình
Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất	3,23	3,43	3,86	3,25	3,44
Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động	3,16	3,26	3,50	3,80	3,43
Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
Cựu sinh viên	3,00	3,56	3,76	3,16	3,37
Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	3,22	2,87	3,55	2,62	3,07
Sinh viên	3,05	3,09	2,94	3,11	3,05
Trung bình	2,61	2,70	2,93	2,66	2,73

Ghi chú: CDR 1: Áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; CDR 2: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; CDR 3: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; CDR 4: Năng lực thực hành nghề nghiệp.



Hình 5. Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

Nhận xét:

Kết quả cho thấy, CDR 3 Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp đạt điểm trung bình cao nhất với 2,93 điểm và thấp nhất là 2,61 điểm dành cho CDR 1, áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Điều này là hợp lý, vì giao tiếp với bệnh nhân là một trong những chuẩn đầu ra quan trọng và kỹ năng mềm cần thiết nhất và nên được rèn luyện ở điều dưỡng viên. Điều dưỡng viên sẽ phải thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp. Tức là, các điều dưỡng viên phải hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực Điều dưỡng, đồng thời, thể hiện giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp Điều dưỡng.

Trong khi đó, theo đối tượng khảo sát, điểm trung bình cao nhất được đánh giá bởi lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất, đây là người sử dụng trực tiếp lao động và có cái nhìn khách quan nhất. Thấp nhất vẫn 3,05 điểm dành cho đánh giá của các bạn sinh viên.

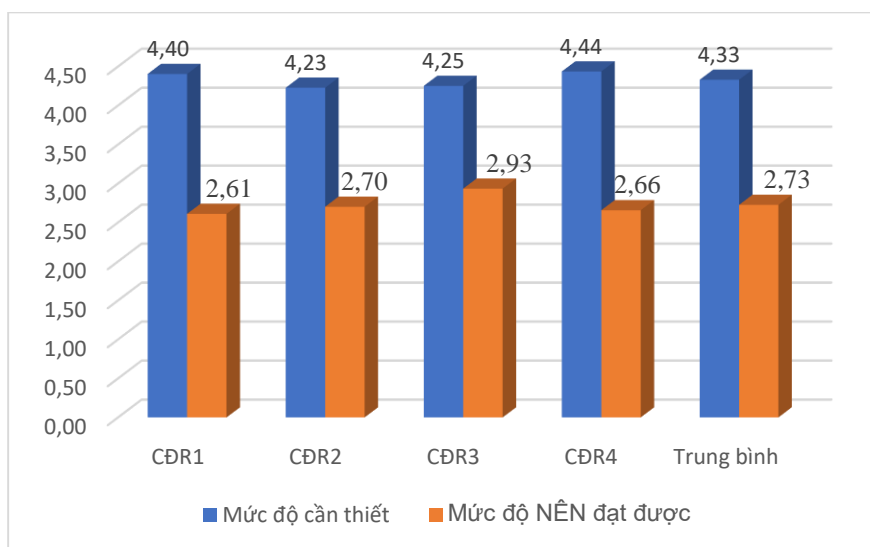
2.2.2.3. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức

Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (trung bình thang 1-5) khảo sát theo Mức độ cần thiết và mức độ nên đạt được thể hiện trong bảng 6 và hình 7.

Bảng 6. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (TB theo thang 1-5)

Mức độ/CDR	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	Trung bình
Mức độ cần thiết	4,40	4,23	4,25	4,44	4,33
Mức độ NÊN đạt được	2,61	2,70	2,93	2,66	2,73

Ghi chú: CDR 1: Áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; CDR 2: Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; CDR 3: Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; CDR 4: Năng lực thực hành nghề nghiệp.



Hình 6. Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kiến thức (TB theo thang 1-5)

Nhận xét:

Nhìn chung, các chuẩn đầu ra đã đạt được mức độ cần thiết, trong đó các CDR 1

và CDR2 được đánh giá là các chuẩn đầu ra quan trọng, cung cấp kiến thức nền tảng và kiến thức chuyên ngành trong thực hành điều dưỡng cho sinh viên. Vì vậy, đây là cơ sở và tiền đề để thực hiện tốt CDR 3 và CDR 4.

2.2.2.4. Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kiến thức của chương trình đào tạo

Trong câu hỏi “Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những chuẩn kiến thức nào?” chúng tôi đã nhận được một số góp ý sau:

- Kết hợp giữa phương pháp dạy truyền thống và phương pháp dạy tích cực (cho sinh viên chủ động tìm hiểu, phát biểu ý kiến, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả, khuyến khích sinh viên tìm tòi nghiên cứu các tài liệu tham khảo, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành và thực hành bệnh viện);

- Tăng cường tự học cho sinh viên;
- Tăng cường các hoạt động lâm sàng, rèn nghề;
- Tăng các chuẩn kiến thức nghề nghiệp điều dưỡng viên đáp ứng với các tiêu chuẩn nguồn lao động nước ngoài;
- Học ngoại ngữ;
- Gom lại để ngắn gọn và súc tích.

Nhận xét:

Nhìn chung, các ý kiến đều tập trung hình thành thêm kiến thức lâm sàng, chuẩn nghề nghiệp cho sinh viên, làm việc nhóm và hoạt động thực hành lâm sàng.

2.2.3. Đánh giá chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo

2.2.3.1. Đánh giá về mức độ cần thiết

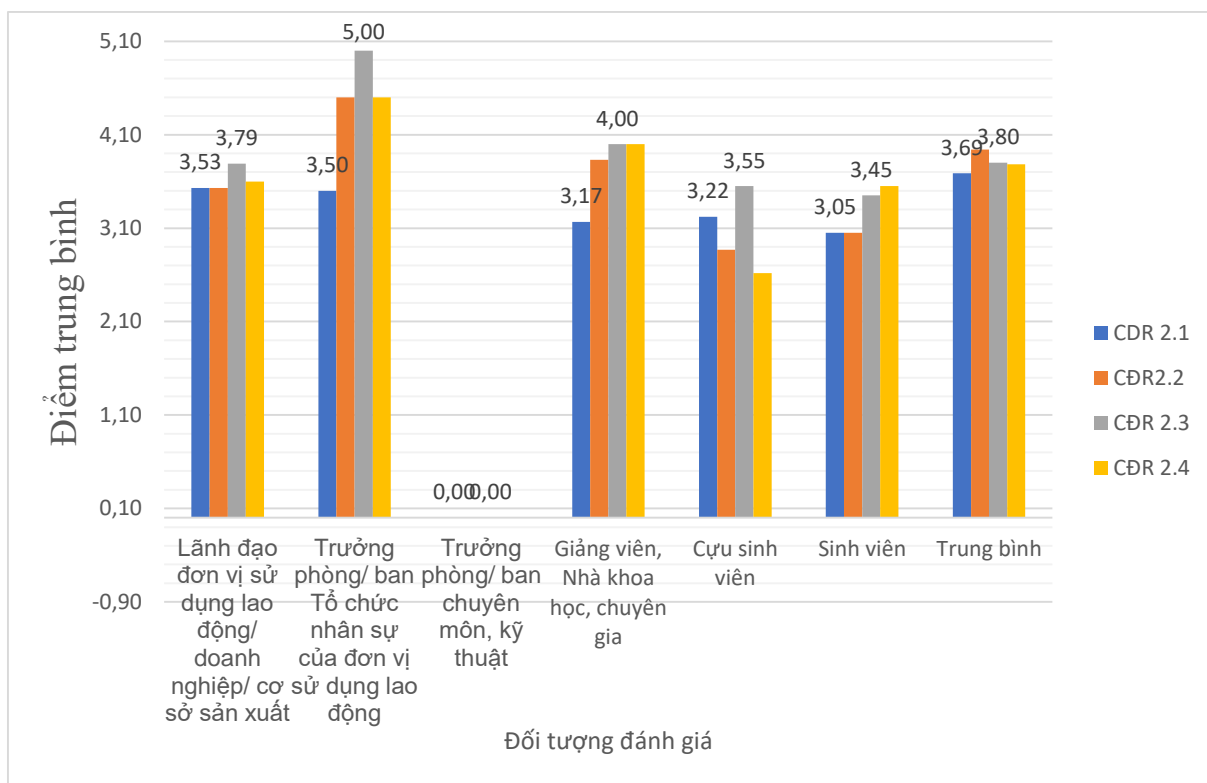
Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5) về CDR về kỹ năng của CTĐT được thể hiện trong bảng 7 và hình 7

Bảng 7. Số liệu đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

Đối tượng khảo sát	CDR 2.1	CDR2.2	CDR 2.3	CDR 2.4
Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất	3,53	3,53	3,79	3,60
Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động	3,50	4,50	5,00	4,50
Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật	0,00	0,00	0,00	0,00
Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	3,17	3,83	4,00	4,00
Cựu sinh viên	3,22	2,87	3,55	2,62
Sinh viên	3,05	3,05	3,45	3,55
Trung bình	3,69	3,94	3,80	3,78

Ghi chú: CDR 2.1. Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng; CDR 2.2. Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc; CDR 2.3. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định;

CDR 2.4. Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc.



Hình 7. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-5)

Nhận xét:

Kết quả cho thấy, điểm trung bình của CDR 2.2. Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc được đánh giá rất cần thiết và cao nhất với 3,94 điểm. CDR 2.3. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định xếp thứ 2 với 3,80 điểm. Xếp thứ 3 với 3,78 điểm là 2.4. Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc. Thấp nhất là CDR 2.1. Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng với 3,69 điểm. Điều này cho thấy, điều dưỡng viên được yêu cầu rất quan trọng trong việc tuân thủ các quy định của cơ quan làm việc.

2.2.3.2. Đánh giá về mức độ nên đạt được

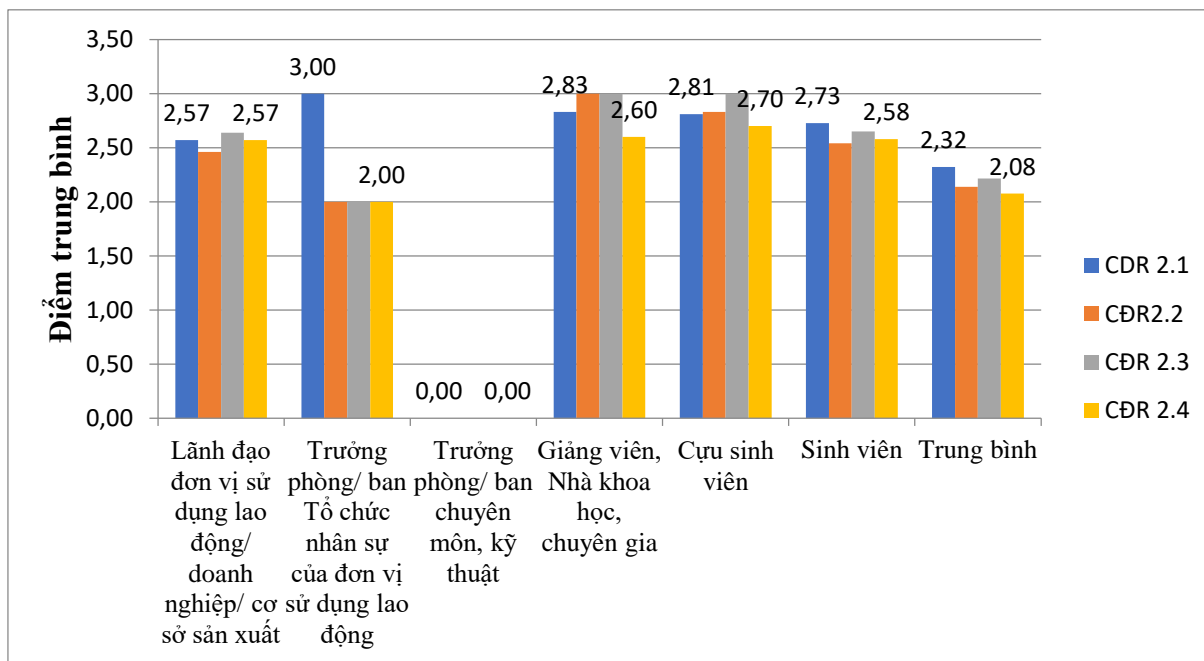
Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4) của Chuẩn đầu ra về kỹ năng của Chương trình đào tạo được thể hiện trong bảng 8 và hình 8

Bảng 8. Số liệu đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

Đối tượng khảo sát	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 2.3	CDR 2.4
--------------------	---------	---------	---------	---------

Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/ doanh nghiệp/ cơ sở sản xuất	2,57	2,46	2,64	2,57
Trưởng phòng/ ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động	3,00	2,00	2,00	2,00
Trưởng phòng/ ban chuyên môn, kỹ thuật	0,00	0,00	0,00	0,00
Giảng viên, Nhà khoa học, chuyên gia	2,83	3,00	3,00	2,60
Cựu sinh viên	2,81	2,83	3,00	2,70
Sinh viên	2,73	2,54	2,65	2,58
Trung bình	2,32	2,14	2,22	2,08

Ghi chú: CDR 2.1. Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng; CDR 2.2. Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc; CDR 2.3. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định; CDR 2.4. Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc.



Hình 8. Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

Nhận xét:

Kết quả cho thấy, CDR 2.1. Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng được đánh giá với điểm trung bình cao nhất với 2,32 điểm, tức là Mức độ thành thạo sinh viên cần đạt được hơn mức độ Có thể hiểu, giải thích, nhưng thấp hơn mức độ Có kỹ năng thực hành, thực hiện. Trong khi đó, CDR 2.4. Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc, chỉ đạt 2.08 điểm, thấp nhất và chỉ đạt mức có thể hiểu và giải thích.

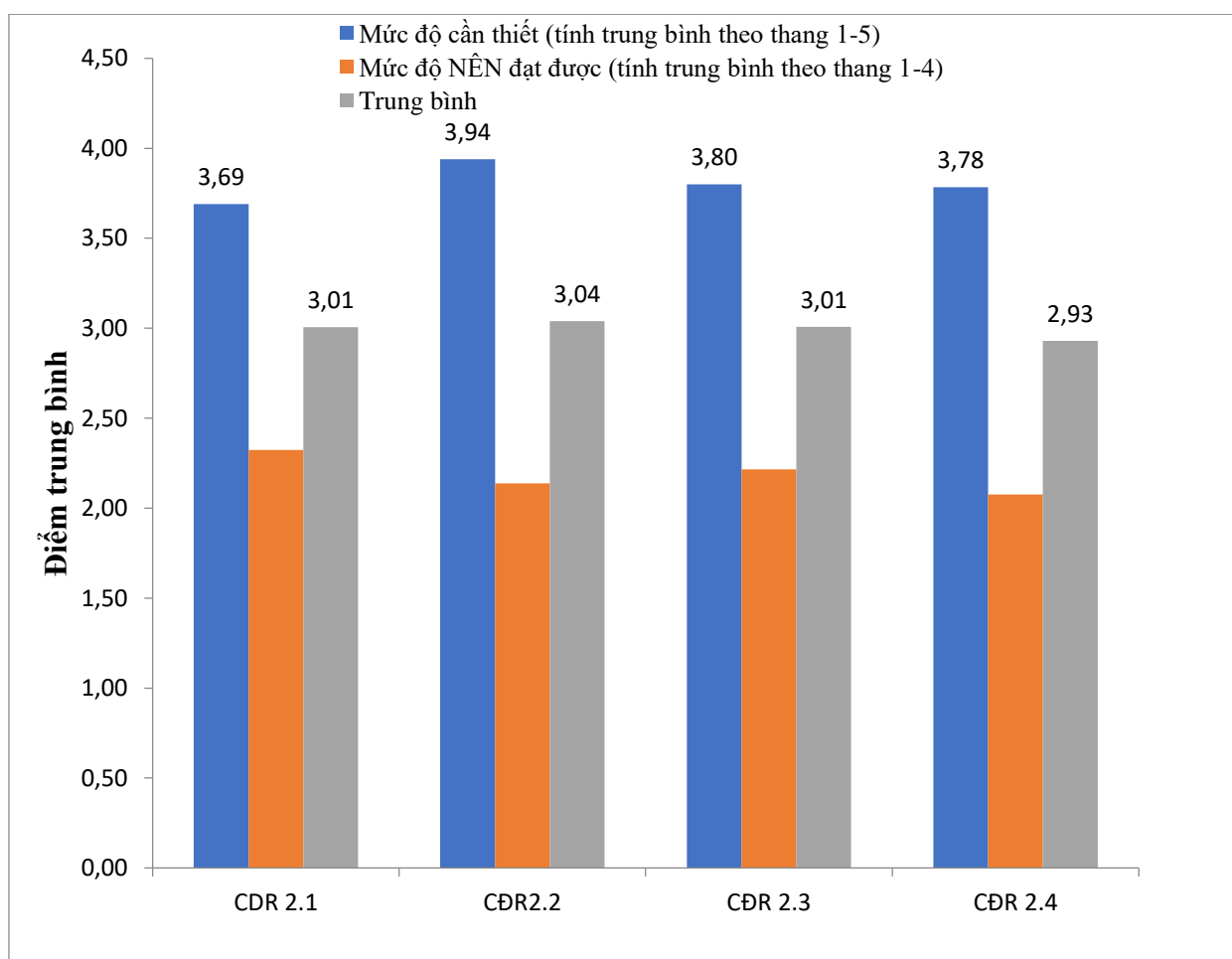
2.2.3.3. Đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

Kết quả đánh giá chung về kỹ năng, được thể hiện trong bảng 9 và hình 9.

Bảng 9. Số liệu đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

Đối tượng khảo sát	CDR 2.1	CDR2.2	CDR 2.3	CDR 2.4	Trung bình
Mức độ cần thiết (tính trung bình theo thang 1-5)	3,69	3,94	3,80	3,78	3,80
Mức độ NÊN đạt được (tính trung bình theo thang 1-4)	2,32	2,14	2,22	2,08	2,19
Trung bình	3,01	3,04	3,01	2,93	3,00

Ghi chú: CDR 2.1. Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng; CDR 2.2. Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc; CDR 2.3. Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định; CDR 2.4. Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc.



Hình 9. Biểu đồ đánh giá chung chuẩn đầu ra về kỹ năng

Nhận xét:

Kết quả cho thấy, mức độ cần thiết đạt điểm cao hơn mức độ nên đạt được. Tuy nhiên, đối với từng chuẩn đầu ra, CDR 2.2. Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc đạt điểm trung bình cao nhất với 3,04 điểm và không chênh lệch nhiều so với CDR 2.1 và CDR 2.3 có cùng 3,01 điểm. Mặc dù, đây là công việc chính của Điều dưỡng

viên, nhưng CDR 2.4. Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc đạt điểm thấp nhất với 2,93 điểm, cũng là thấp nhất trong mức độ Nên đạt của kỹ năng.

2.2.3.4. Ý kiến góp ý khác cho chuẩn đầu ra về kỹ năng của chương trình đào tạo

Với câu hỏi “Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần bổ sung thêm những chuẩn nào về kỹ năng, phẩm chất cá nhân?”, hầu hết đều cho rằng nên tăng cường Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế; Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ

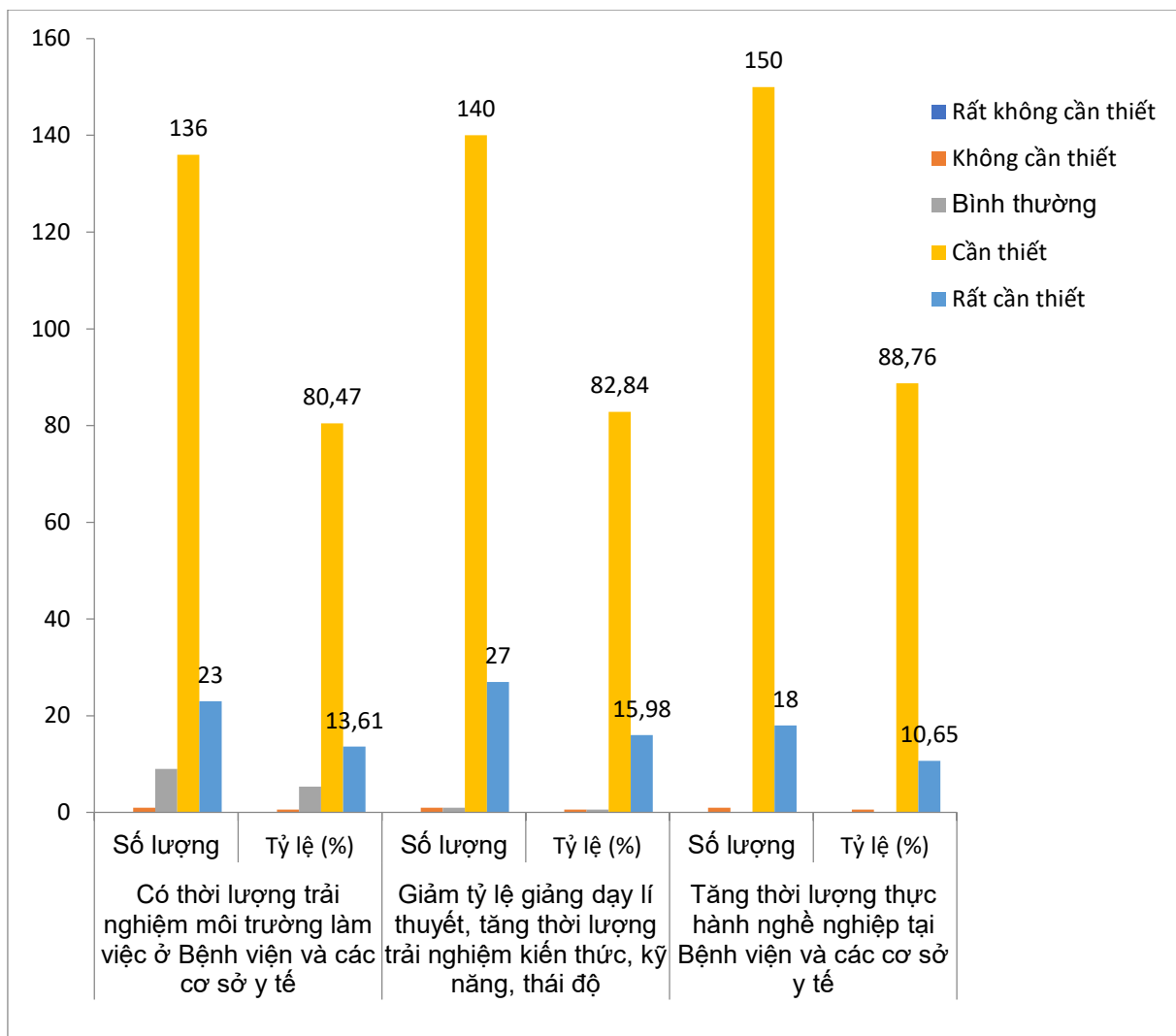
2.2.4. Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra

2.2.4.1. Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, trong đó xin ý kiến đánh giá về thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế; Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ; Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế đã được khảo sát trên 169 đối tượng. Kết quả chi tiết thể hiện trong bảng 10 và hình 10.

Bảng 10. Số liệu đánh giá chung về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Ý kiến	Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế		Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ		Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không cần thiết	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Không cần thiết	1	0,59	1	0,59	1	0,59
Bình thường	9	5,33	1	0,59	0	0,00
Cần thiết	136	80,47	140	82,84	150	88,76
Rất cần thiết	23	13,61	27	15,98	18	10,65
Tổng cộng	169	100	169	100	169	100



Hình 10. Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Nhận xét:

Kết quả cho thấy là các phương pháp được đề xuất xin ý kiến đều rất cần thiết, với tỷ lệ đồng ý trên 80%. Trong đó, việc tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế, là cần thiết nhất với 88,76%. Với đánh giá cần thiết, 82,84% về giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cuối cùng, có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế được 80,47% đánh giá mức cần thiết.

2.2.4.2. Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Người trả lời khảo sát cho rằng kết hợp giữa phương pháp dạy truyền thống và phương pháp dạy tích cực (cho sinh viên chủ động tìm hiểu, phát biểu ý kiến, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả, khuyến khích sinh viên tìm tòi nghiên cứu các tài liệu tham khảo, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành và thực hành bệnh viện). Đồng thời, tăng cường thời lượng tự học cho sinh viên, điều này rất quan trọng vì điều dưỡng viên phải thực hành lâm sàng rất nhiều, nên giao bài tập để sinh viên tự nghiên cứu, học hỏi.

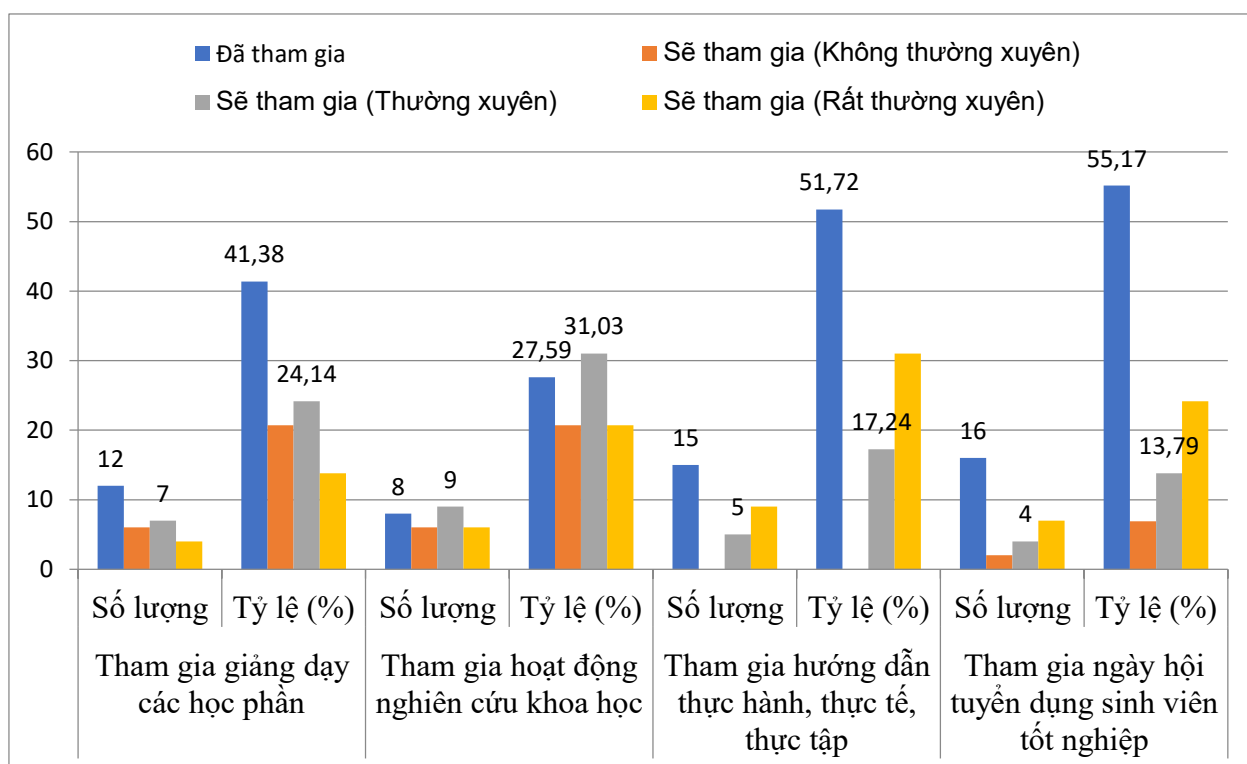
2.2.5. Mức độ tham gia, sẽ tham gia của quý vị/quý cơ quan vào quá trình đào tạo ngành Điều dưỡng

2.2.5.1. Mức độ tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo

Số liệu về mức độ có thể tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo ngành Điều dưỡng được thể hiện trong bảng 11 và hình 11.

Bảng 11. Số liệu về mức độ có thể tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo

Ý kiến	Tham gia giảng dạy các học phần		Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học		Tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập		Tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đã tham gia	12	41,38	8	27,59	15	51,72	16	55,17
Sẽ tham gia (Không thường xuyên)	6	20,69	6	20,69	0	0,00	2	6,90
Sẽ tham gia (Thường xuyên)	7	24,14	9	31,03	5	17,24	4	13,79
Sẽ tham gia (Rất thường xuyên)	4	13,79	6	20,69	9	31,03	7	24,14
Tổng cộng	29	100	29	100	29	100	29	100



Hình 11. Biểu đồ mức độ có thể tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo

Nhận xét:

Thực tế, hầu hết các cán bộ, giảng viên và trưởng phó phòng ở các bệnh viện đã là giảng viên thỉnh giảng, giúp đỡ nhà trường tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập, với tỷ lệ 51,72%. Đồng thời, các nhà Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ

sở sản xuất sẵn sàng tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp. Đó là một điều rất thuận lợi cho việc đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Vinh.

2.2.5.2. *Ý kiến góp ý khác về mức độ tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo*

Các đơn vị tuyển dụng, các nhà máy, cơ sở sản xuất sẵn sàng tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Vinh.

3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Qua kết quả khảo sát mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo, chúng tôi thấy cần phải điều chỉnh đề CRĐ ngắn gọn và đạt được các mục tiêu, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề Điều dưỡng viên.

Nghệ An, ngày 15 tháng 5 năm 2021

Trưởng Bộ môn



PGS.TS. Cao Tiên Trung

PHỤ LỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Trường Đại học Vinh

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU KHẢO SÁT

**MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP CỦA MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU
RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

Kính gửi,

*Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội, Trường Đại học Vinh trân trọng xin ý kiến Quý Cơ quan về mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành **Điều dưỡng** thông qua Mục tiêu, Chuẩn đầu ra. Mọi ý kiến đóng góp của Quý anh/chị thực sự quý báu đối với công tác đảm bảo về nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Chúng tôi cam kết các thông tin trong Phiếu khảo sát này chỉ để phục vụ vào mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.*

Xin Quý anh/chị vui lòng cung cấp thông tin và cho ý kiến ở một số nội dung sau:

Thông tin chung về người cung cấp thông tin

1. Họ và tên:
2. Tên cơ quan/đơn vị:
3. Địa chỉ:
4. Vị trí công tác:
.....
5. Đã tốt nghiệp trường:
6. Thâm niên công tác:

Phần I. Đánh giá mức độ phù hợp của mục tiêu chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Điều dưỡng

Quý Thầy/Cô đánh giá như thế nào về mức độ phù hợp của mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng với yêu cầu của thế giới việc làm (xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

Với mỗi yếu tố giới đây hãy đánh giá:

- ①: Rất không đồng ý;
- ②: Không đồng ý;
- ③: Không có ý kiến;
- ④: Đồng ý;
- ⑤: Rất đồng ý.

Mục tiêu của CTĐT	Nhận xét về mục tiêu của CTĐT	Mức độ đồng ý				
		1	2	3	4	5
<p>Mục tiêu tổng quát: Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng đào tạo Cử nhân điều dưỡng có năng lực thực hành nghề nghiệp theo pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp điều dưỡng ở trình độ đại học; cung cấp cho sinh kiến thức nền tảng và chuyên sâu về khoa học xã hội, khoa học sức khỏe và điều dưỡng; kỹ năng và thái độ cần thiết để hình thành ý tưởng, thiết kế và triển khai quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa; chuẩn bị cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân</p> <p>Các mục tiêu cụ thể: Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng có khả năng: <u>Mục tiêu 1:</u> Sinh viên theo học ngành điều dưỡng sau khi ra trường phải có những kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành; nắm được các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc bệnh nhân; có kiến thức về duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cộng đồng; <u>Mục tiêu 2:</u> Đào tạo người điều dưỡng viên có kỹ năng cá nhân tốt, thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp như sử dụng thuốc an toàn, phù hợp; thực hiện tốt các y lệnh của thầy thuốc, chăm sóc phù hợp với văn hóa người bệnh; tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng một cách tốt nhất; tham gia vào công tác quản lý ngành; có kỹ năng giao tiếp và giao tiếp bằng ngoại ngữ, quản lý và làm việc nhóm tốt để làm việc trong môi trường đa ngành, đa văn hoá, đa quốc gia; <u>Mục tiêu 3:</u> Đào tạo Điều dưỡng viên có thái độ trung thực, khách quan, tôn trọng người bệnh và cộng đồng; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và pháp luật nhà nước trong thực hành điều dưỡng; không ngừng học hỏi, có ý thức phát triển nghề nghiệp;</p>	1. Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu.					
	2. Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp.					
	3. Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp.					

<p>Mục tiêu 4: Đào tạo người điều dưỡng có khả năng tự học và cập nhật các kiến thức, công nghệ mới; có tư duy sáng tạo và đổi mới; xây dựng cho người điều dưỡng có phong cách làm việc chuyên nghiệp, chủ động, đóng vai trò lãnh đạo, có khả năng thuyết phục mọi người để cùng giải quyết các vấn đề chung của hệ thống y tế nhằm bảo vệ, nâng cao, tối ưu về sức khỏe cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội</p>						
---	--	--	--	--	--	--

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô, mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những nội dung nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

.....

.....

Phần II. Đánh giá kiến thức, kỹ năng cần có của sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng

Quý Thầy/Cô xin vui lòng đánh giá mức độ quan trọng, mức độ **NÊN** đạt được của kiến thức và các kỹ năng sau đây đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng

(Xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Ông/Bà vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ năng lực của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kiến thức đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng

Mức độ cần thiết	Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được
① Không cần thiết	(a) Hiểu
② Ít cần thiết	(b) Áp dụng
③ Không biết	(c) Phân tích
④ Cần thiết	(d) Đánh giá
⑤ Rất cần thiết	(e) Sáng tạo

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT và các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết	Mức độ năng lực sinh viên cần đạt được
CDR1.	Sinh viên theo học ngành điều dưỡng sau khi ra trường phải có những kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành điều dưỡng		
1.1.	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học xã hội khoa học chuyên ngành trong bối cảnh bệnh viện và xã hội</i>		
1.1.1.	<i>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong bối cảnh bệnh viện</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.1.2.	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội trong các hoạt động nghề nghiệp</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.2.	<i>Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên để lập luận phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Điều dưỡng</i>		
1.2.1.	<i>Sử dụng kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực Điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
1.2.2.	<i>Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong lĩnh vực Điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
PO2	Năng lực thực hành chăm sóc		
2.1.	<i>Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.</i>		
2.1.1.	<i>Xác định nhu cầu về sức khỏe và tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.1.2.	<i>Giải thích tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.2.	<i>Ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình, cộng đồng và xã hội.</i>		
2.2.1.	<i>Thu thập thông tin và phân tích các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề về sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

2.2.2.	<i>Ra các quyết định</i> về chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng an toàn và hiệu quả.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.2.3.	<i>Thực hiện các can thiệp</i> điều dưỡng để hỗ trợ cá nhân, gia đình và cộng đồng đáp ứng với các vấn đề về sức khỏe/bệnh tật phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh, gia đình người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.2.4.	Theo dõi sự tiến triển của các can thiệp điều dưỡng đã thực hiện.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.3.	<i>Xác định ưu tiên chăm sóc dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình, cộng đồng và xã hội.</i>		
2.3.1.	<i>Phân tích và xác định</i> được những nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.3.2.	<i>Thực hiện các can thiệp chăm sóc</i> đáp ứng nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.	<i>Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng.</i>		
2.4.1.	Thực hiện nhận định người bệnh toàn diện và có hệ thống.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.2.	Tập hợp và ghi đầy đủ thông tin thích hợp vào hồ sơ điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.3.	Phân tích và diễn giải các thông tin về người bệnh một cách chính xác	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.4.	Lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên nhận định người bệnh và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.5.	Giải thích các can thiệp điều dưỡng cho người bệnh, gia đình người bệnh và thực hiện các can thiệp theo kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.6.	Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.7.	Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.8.	Thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ người bệnh xuất viện.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.4.9.	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cách phòng bệnh cho người bệnh	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.5.	<i>Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh.</i>		
2.5.1.	Thực hiện các biện pháp an toàn trong chăm sóc cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.5.2.	Tạo môi trường chăm sóc thoải mái trong khi chăm sóc cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.5.3.	Bảo đảm sự kín đáo trong khi chăm sóc cho người bệnh	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

2.6.	<i>Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình.</i>		
2.6.1.	Tuân thủ các bước của quy trình điều dưỡng trong phạm vi chuyên môn.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.6.2.	Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.6.3.	Tuân thủ các quy định về vô khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.	<i>Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả.</i>		
2.7.1.	Khai thác tiền sử dị ứng thuốc của người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.2.	Tuân thủ quy tắc khi dùng thuốc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.3.	Hướng dẫn người bệnh dùng thuốc đúng và an toàn.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.4.	Phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc và báo cáo kịp thời cho bác sĩ và điều dưỡng phụ trách.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.5.	Nhận biết sự tương tác giữa thuốc với thuốc và thuốc với thức ăn.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.6.	Đánh giá hiệu quả của việc dùng thuốc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.7.7.	Ghi chép và công khai việc sử dụng thuốc cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.8.	<i>Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu</i>		
2.8.1.	Bàn giao tình trạng của người bệnh với nhóm chăm sóc kế tiếp một cách cụ thể, đầy đủ và chính xác	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.8.2.	Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp để đảm bảo chăm sóc liên tục cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.8.3.	Thiết lập các biện pháp để thực hiện chăm sóc liên tục cho người bệnh	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.9.	<i>Ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định</i>		
2.9.1.	Phát hiện sớm những thay đổi đột ngột về tình trạng sức khỏe người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.9.2.	Ra quyết định xử trí sơ cứu, cấp cứu kịp thời và phù hợp.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.9.3.	Phối hợp hiệu quả với các thành viên nhóm chăm sóc trong sơ cứu, cấp cứu.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.9.4.	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.10.	<i>Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe hiệu quả và phù hợp</i>		
2.10.1.	Xác định những thông tin cần cung cấp cho người bệnh và gia đình.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.10.2.	Chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp những thông tin “xấu”.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

2.11.	<i>Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng</i>		
2.11.1.	Thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu hiểu biết của cá nhân, gia đình, và cộng đồng về hướng dẫn, giáo dục sức khỏe.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.11.2.	Xác định nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.11.3.	Xây dựng kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.11.4.	Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.11.5.	Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.11.6.	Đánh giá kết quả giáo dục sức khỏe và điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu và kết quả mong chờ.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.12.	<i>Hợp tác với các thành viên nhóm chăm sóc</i>		
2.12.1.	Duy trì tốt mối quan hệ với các thành viên trong nhóm, coi người bệnh như một cộng sự trong nhóm chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.12.2.	Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.12.3.	Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.12.4.	Tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.12.5.	Chia sẻ thông tin một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
2.12.6.	Thực hiện vai trò đại diện hoặc biện hộ cho người bệnh để bảo đảm các quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
PO3	Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp		
3.1.	<i>Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định</i>		
3.1.1.	Thực hiện các quy chế quản lý, lưu giữ hồ sơ bệnh án theo quy định luật pháp và của Bộ Y tế.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.1.2.	Bảo mật thông tin trong hồ sơ bệnh án và Phiếu chăm sóc của người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.1.3.	Ghi chép hồ sơ điều dưỡng bảo đảm tính khách quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.1.4.	Sử dụng các dữ liệu thu thập được về tình trạng sức khỏe người bệnh làm cơ sở để xây dựng chính sách và tạo thuận lợi cho việc chăm sóc người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.2.	<i>Quản lý công tác chăm sóc người bệnh</i>		
3.2.1.	Quản lý công việc, thời gian của cá nhân hiệu quả và khoa học.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

3.2.2.	Xác định các công việc hoặc nhiệm vụ cần hoàn thành theo thứ tự ưu tiên.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.2.3.	Tổ chức, điều phối, phân công và ủy quyền nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chăm sóc một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.2.4.	Thể hiện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa quản lý và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.2.5.	Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc người bệnh cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.3.	<i>Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả</i>		
3.3.1.	Thiết lập các cơ chế quản lý, phát huy tối đa chức năng hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.3.2.	Lập và thực hiện kế hoạch bảo trì phương tiện, trang thiết bị do mình phụ trách.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.3.3.	Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.4.	<i>Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả</i>		
3.4.1.	Nhận biết được hiệu quả kinh tế khi sử dụng các nguồn lực sẵn có tại nơi làm việc để sử dụng thích hợp, hiệu quả.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.4.2.	Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng các nguồn lực trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi phân công hiệu quả.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.5.	<i>Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả</i>		
3.5.1.	Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.5.2.	Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.5.3.	Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc (tiếng ồn, không khí, nguồn nước...).	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.5.4.	Tuân thủ quy định về quản lý, xử lý chất thải.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.5.5.	Tuân thủ các bước về an toàn phòng cháy chữa cháy, động đất hoặc các trường hợp khẩn cấp khác.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.5.6.	Thể hiện sự hiểu biết về những khía cạnh có liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và luật pháp về an toàn lao động	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.	<i>Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc</i>		
3.6.1.	Nhận thức được sự cần thiết về các hoạt động bảo đảm chất lượng, cải tiến chất lượng thông qua sự nghiên cứu, phản hồi và đánh giá thực hành thường xuyên.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.2.	Phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

3.6.3.	Nhận phản hồi từ người bệnh, gia đình và các đối tượng liên quan để cải tiến chất lượng các hoạt động chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.4.	Áp dụng các phương pháp cải tiến chất lượng phù hợp.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.5.	Tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng tại cơ sở.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.6.	Chia sẻ các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh với các thành viên trong nhóm chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.7.	Bình phiếu chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.8.	Đưa ra những đề xuất phù hợp về các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.6.9.	Sử dụng bằng chứng áp dụng vào thực hành chăm sóc để tăng cường sự an toàn trong chăm sóc người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.7.	<i>Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng</i>		
3.7.1.	Xác định và lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết và khả thi.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.7.2.	Áp dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành nghiên cứu những vấn đề đã lựa chọn.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.7.3.	Sử dụng phương pháp thống kê thích hợp để phân tích và diễn giải dữ liệu thu thập được.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.7.4.	Đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.7.5.	Trình bày, chia sẻ kết quả nghiên cứu với đồng nghiệp, người bệnh và những người có liên quan.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.7.6.	Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng. Sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.	<i>Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp</i>		
3.8.1.	Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.2.	Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.3.	Tham gia vào các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.4.	Quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng, thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.5.	Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

3.8.6.	Thực hiện chăm sóc theo các tiêu chuẩn thực hành điều dưỡng	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.7.	Đóng góp vào việc đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)
3.8.8.	Đóng góp vào việc nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong ngành y tế và trong xã hội.	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d) (e)

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những chuẩn kiến thức nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng, thái độ

Ông/Bà vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ thành thạo của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kỹ năng và thái độ đối với sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng

Mức độ cần thiết	Mức độ thành thạo sinh viên cần đạt được
① Không cần thiết	(a) Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

TT	Chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết	Mức độ cần đạt được
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp		
2.1	Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
2.2	Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
2.3	Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
2.4	Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần bổ sung thêm những chuẩn nào về kỹ năng, phẩm chất cá nhân? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!			
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp		

3.1	Tạo dựng niềm tin đối với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.2	Dành thời gian cần thiết để giao tiếp với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.3	Lắng nghe và đáp ứng thích hợp những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và người nhà người bệnh	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.4	Sử dụng các phương tiện nghe nhìn sẵn có để truyền thông và hỗ trợ giao tiếp với người bệnh, người nhà và cộng đồng.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.5	Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.6	Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.7	Giao tiếp hiệu quả với các cá nhân, gia đình, cộng đồng có các trở ngại về giao tiếp do bệnh tật, do những khó khăn về tâm lý.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.8	Thể hiện lời nói, cử chỉ động viên, khuyến khích người bệnh an tâm điều trị.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
3.9	Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và nhóm người	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
<p>Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CDR CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những chuẩn nào cho kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!</p> <p>.....</p>			
4	Năng lực thực hành nghề nghiệp		
4.1	Chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định và can thiệp chăm sóc.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
4.2	Tuân thủ Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤
4.3	Báo cáo các hành vi vi phạm với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với báo cáo đó.	① ② ③ ④ ⑤	① ② ③ ④ ⑤

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CDR CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những năng lực thực hành nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

Phần III. Xin ý kiến về các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra CTĐT ngành Điều dưỡng

1. Để đạt được Mục tiêu và Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nào sẽ phù hợp?

.....

2. Để đạt được các Mục tiêu và Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần quan tâm điều chỉnh những nội dung nào?

Mức độ cần thiết

①: Rất không cần thiết; ②: Không cần thiết; ③: Bình thường; ④: Cần thiết; ⑤: Rất cần thiết.

Nội dung	Mức độ cần thiết
Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế	① ② ③ ④ ⑤
Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế	① ② ③ ④ ⑤
Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ	① ② ③ ④ ⑤
Ý kiến khác:	① ② ③ ④ ⑤

Phần IV. Mức độ tham gia, sẽ tham gia của quý vị/quý cơ quan vào quá trình đào tạo ngành

Để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu xã hội, sinh viên cần được trải nghiệm quá trình đào tạo tại các đơn vị tuyển dụng, các nhà máy, cơ sở sản xuất. Xin quý vị cho biết về sự sẵn sàng tham gia của quý vị/quý đơn vị vào quá trình đào tạo sinh viên ngành Điều dưỡng

Các hoạt động tham gia	Đã tham gia	Dự định sẽ tham gia		
		Không thường xuyên	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Tham gia giảng dạy các học phần				
Tham gia hướng dẫn thực hành, thực tế, thực tập				

Tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học				
Tham gia ngày hội tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp				
Khác:				

Xin trân trọng cảm ơn!